

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VL
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/DS-ST

Ngày: 17 - 9 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng

tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VL, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phan Công Trí**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Sáu**.

2. Ông **Đào Văn Vĩnh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Nhiều**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Mỹ Tiên**, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXX-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP BDLV**.

Trụ sở chính: Tòa nhà Capital Tower, Số 109, đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận HK, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Doãn S** – Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Tấn D** – Giám đốc Chi nhánh Bạc Liêu. Người được ủy quyền lại: Anh **Lâm Vũ L** (văn bản ủy quyền ngày 18/3/2020) (vắng mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Anh **Lê Hoàng V**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

2.2. Chị **Võ Thị H**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ Phú Đông, xã Vĩnh Hưng A, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh **Tô Chí L1**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

3.2. Chị **Nguyễn Thị Hồng Y**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Trung Hưng, xã Vĩnh Hưng A, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

3.3. Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1940 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phú Đông, xã Vĩnh Hưng A, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 3 năm 2020 và lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP BDLV là nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 17/02/2017, giữa Ngân hàng TMCP BDLV (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và anh Lê Hoàng V, chị Võ Thị H có ký kết hợp đồng tín dụng số 064/2017/HĐTD/CNBACLIEU vay số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 11,25%/năm trong 03 tháng đầu, từ tháng thứ tư trở đi theo mức lãi suất tính theo quy định của Ngân hàng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả gốc 06 tháng 01 lần, lãi trả 03 tháng 01 lần, kỳ trả gốc đầu tiên là ngày 20/8/2017. Nợ gốc chia thành 10 kỳ, mỗi kỳ trả 8.000.000 đồng. Từ ngày 25/7/2019, anh V, H đã không trả nợ đúng hạn, phát sinh nợ quá hạn, vi phạm hợp đồng. Đối với hợp đồng này, anh V, H còn nợ lại tiền gốc 47.999.996 đồng, lãi tính đến ngày 17/9/2020 là 8.646.552 đồng.

Vào ngày 22/12/2017, giữa Ngân hàng và anh Lê Hoàng V, chị Võ Thị H có ký kết Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số KU92020172741/01 vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 12%/năm trong 03 tháng đầu, từ tháng thứ tư trở đi theo mức lãi suất tính theo quy định của Ngân hàng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả gốc và lãi vào ngày 15 hàng tháng, chia thành 60 kỳ. Kỳ 01 đến kỳ 59 trả 840.000 đồng/kỳ, kỳ 60 trả số tiền 440.000 đồng, kỳ trả nợ đầu tiên ngày 15/01/2018, kỳ trả cuối cùng là ngày 22/12/2022. Từ ngày 25/7/2019, anh V, H đã không trả nợ đúng hạn, phát sinh nợ quá hạn, vi phạm hợp đồng. Đối với hợp đồng này, anh V, H còn nợ lại tiền gốc 34.040.000 đồng, lãi tính đến ngày 17/9/2020 là 6.061.464 đồng.

Vào ngày 29/8/2018, giữa Ngân hàng và anh Lê Hoàng V, chị Võ Thị H có ký kết hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HĐTD2020181364 vay số tiền 24.000.000 đồng, thời hạn vay là 11 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 12%/năm trong 03 tháng đầu, từ tháng thứ tư trở đi theo mức lãi suất tính theo quy định của Ngân hàng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả gốc cuối kỳ và lãi trả vào ngày 20 hàng tháng, kỳ trả gốc là ngày 29/7/2019. Từ ngày 25/7/2019, anh V, H đã không trả nợ đúng hạn, phát sinh nợ quá hạn, vi phạm hợp đồng. Đối với hợp đồng này, anh V, H còn nợ lại tiền gốc 23.133.216 đồng, lãi tính đến ngày 17/9/2020 là 4.326.157 đồng.

Để đảm bảo các khoản vay trên, anh V và H có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 064/2917/HĐTD/CNBacLiêu ngày 15/02/2017. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số CD961327 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 11/01/2017 cho anh Lê Hoàng V, thửa 1266, tờ bản đồ số 8, diện tích 1560m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Mỹ Phú Đông, xã Vĩnh Hưng A, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Nếu anh V, H không trả được nợ, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

* Bị đơn là anh Lê Hoàng V trình bày: Anh thừa nhận có cùng với chị Võ Thị H vay tiền tại Ngân hàng qua ba lần như phía đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày, đồng thời thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh đứng tên. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh và H trả số tiền vay gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, trong trường hợp không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ,

anh đồng ý, không có ý kiến. Đối với hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất với anh Tô Chí L1, anh cũng thống nhất theo lời trình bày của anh L1. Việc cố đất là do anh và H cùng cố đất vào cuối năm 2018, nhưng đến năm 2019 thì giữa anh và anh L1 lập lại hợp đồng cố đất nhưng đổi đất ở vị trí khác. Vị trí đất mà anh cố cho anh L1 là diện tích đất do anh đứng tên, đang thế chấp cho Ngân hàng. Nay, anh L1, chị Y yêu cầu chấm dứt hợp đồng cố đất, yêu cầu anh và H trả lại anh L1, chị Y 50 chỉ vàng 18K thì anh đồng ý.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Tô Chí L1, chị Nguyễn Thị Hồng Y cùng trình bày: Ngày 15/6/2019 âm lịch, anh Lê Hoàng V có cố đất diện tích 1.500m² cho anh L1 và chị Y với số tiền 50 chỉ vàng 18K, thời hạn cố là 03 năm. Việc cầm cố có lập hợp đồng, do anh V là người trực tiếp viết, ký tên, không có công chứng hay chứng thực. Sau khi cố đất, anh L1, chị Y để đất trống không có quản lý, sử dụng, người nhà anh V có sử dụng nhưng không biết cụ thể như thế nào. Khi anh L1, chị Y nhận cầm cố đất thì anh, chị không biết anh V và H đã thế chấp cho Ngân hàng. Nay, anh đồng ý hủy hợp đồng cố đất, yêu cầu cả anh V và H cùng có trách nhiệm trả cho anh, chị 50 chỉ vàng 18K, không yêu cầu tính lãi suất.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho H, bà Nguyễn Thị H1. Nhưng H, bà H1 vắng mặt không có lý do, không gửi bất kỳ chứng cứ, ý kiến cho Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Tòa án thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn là anh Lê Hoàng V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh L1 đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 68, Điều 70, Điều 71, 72, 73 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn là chị Võ Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H1 chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với anh Lê Hoàng V, chị Võ Thị H về yêu cầu trả lại số tiền nợ gốc, lãi và lãi suất phát sinh tiếp theo theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Trong trường hợp không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp. Tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa anh Tô Chí L1, chị Nguyễn Thị Hồng Y với anh Lê Hoàng V, chị Võ Thị H vô hiệu, buộc anh V và H có trách nhiệm trả lại cho anh L1, chị Y 50 chỉ vàng 18K.

Anh V, H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng khởi kiện anh Lê Hoàng V, chị Võ Thị H yêu cầu thanh toán tiền vay còn lại, anh Tô Chí L1 và chị Nguyễn Thị Hồng Y có yêu cầu độc lập hủy hợp đồng cố đất với anh V, H là tranh chấp về Hợp đồng theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thời điểm khởi kiện, anh V, H cư trú tại ấp Mỹ Phú Đông, xã Vĩnh Hưng A, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc

Liều thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Chị Võ Thị H đã bỏ địa phương đi nơi khác mà không thông báo địa chỉ mới cho Ngân hàng. Chị Võ Thị H có đăng ký thường trú tại ấp Mỹ Phú Đông, xã Vĩnh Hưng A, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Do đó, đủ căn cứ xác định H che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với Ngân hàng, nên Tòa án vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết theo quy định tại đoạn 2 điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Chị Võ Thị H, bà Nguyễn Thị H1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, Ngân hàng, chị Nguyễn Thị Hồng Y và anh Lê Hoàng V, L1 có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng, anh V, H, bà H1, chị Y, anh L1 theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Ngân hàng và anh Lê Hoàng V, chị Võ Thị H ký kết hợp đồng tín dụng số 064/2017/HĐTD/CNBACLIEU ngày 17/02/2017 vay số tiền 80.000.000 đồng Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số KU92020172741/01 ngày 22/12/2017 vay số tiền 50.000.000 đồng, hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HĐTĐ2020181364 ngày 29/8/2018 vay số tiền 24.000.000 đồng là có thật, được Ngân hàng cung cấp các hợp đồng tín dụng.

[3.2] Mặc dù, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Võ Thị H đúng theo quy định pháp luật, nhưng H vắng mặt, không gửi bất kỳ chứng cứ hoặc thể hiện ý kiến của chị đối với yêu cầu của Ngân hàng. Điều này cho thấy H đã từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của chị mọi hậu quả pháp lý bất lợi chị phải tự gánh chịu theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 70 và khoản 1 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.3] Xét thấy các hợp đồng tín dụng đã được ký kết đúng theo quy định pháp luật. Nay Ngân hàng yêu cầu anh V, H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số nợ còn thiếu tính đến ngày 17/9/2020 là 124.207.385 đồng, trong đó tiền vay gốc là 105.173.212 đồng, tiền lãi trong hạn là 9.911.234 đồng, tiền lãi quá hạn là 9.122.939 đồng và lãi suất phát sinh tiếp theo cho đến khi trả dứt nợ, là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[4] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/9/2020) anh Lê Hoàng V, chị Võ Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần BDLV tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh Lê Hoàng V, chị Võ Thị H phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

[5] Trong trường hợp anh V, H không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số CD961327 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 11/01/2017 cho anh Lê Hoàng V, thửa 1266, tờ bản đồ số 8, diện tích 1560m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Mỹ Phú Đông, xã Vĩnh Hưng A, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu để thu hồi nợ.

[5.1] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/7/2020, diện tích đất thế chấp là đất trồng, bà Nguyễn Thị H1 là mẹ ruột của anh Lê Hoàng V có trồng vài liếp rau. Anh V thống nhất đây là tài sản của anh và H. Anh đồng ý phát mãi tài sản trong trường hợp anh, H không trả được nợ. Xét lời thừa nhận của anh V là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5.2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Võ Thị H, bà Nguyễn Thị H1 đúng theo quy định pháp luật, nhưng H, bà H1 vắng mặt, không gửi bất kỳ chứng cứ hoặc thể hiện ý kiến của H, bà H1 đối với yêu cầu của Ngân hàng. Điều này cho thấy chị Võ Thị H, bà Nguyễn Thị H1 đã từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, mọi hậu quả pháp lý bất lợi H, bà H1 phải tự gánh chịu theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 70, khoản 1 Điều 72 và khoản 1 Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5.3] Từ sự phân tích trên, xác định quyền sử dụng đất số CD961327 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 11/01/2017 cho anh Lê Hoàng V, thửa 1266, tờ bản đồ số 8, diện tích 1560m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Mỹ Phú Đông, xã Vĩnh Hưng A, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu là tài sản của anh V, H. Anh V, H đã thế chấp tài sản này để đảm bảo các khoản vay, trong trường hợp anh V, H không thanh toán nợ đầy đủ cho Ngân hàng, Ngân hàng được quyền phát mãi để thu hồi nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 299, Điều 317, khoản 6 Điều 320, khoản 5, khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Xét hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa anh Tô Chí L1, chị Nguyễn Thị Hồng Y với anh Lê Hoàng V, chị Võ Thị H được ký kết sau khi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng và anh V, H đã được đăng ký ngày 15/02/2017.

[6.1] Việc anh V, H cầm cố quyền sử dụng đất đã thế chấp cho Ngân hàng nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết, là vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin về thực trạng tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp theo quy định tại khoản 5 Điều 320 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngân hàng có quyền yêu cầu bên giữ tài sản thế chấp giao tài sản thế chấp để xử lý khi anh V, H không trả nợ theo quy định tại khoản 5 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thứ tự thanh toán được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 297, Điều 308 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6.2] Anh V thừa nhận việc cầm cố quyền sử dụng đất là do anh và H cùng thực hiện. Mặc dù H không thể hiện ý kiến, nhưng giao dịch phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên cần xác định đây là quyền và nghĩa vụ chung của anh V, H theo quy định tại khoản 3 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh L1, chị Y cùng với anh V thống nhất chấm dứt hợp đồng cầm cố, xét ý chí của các bên phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 315

của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh V, H có trách nhiệm giao trả lại anh L1, chị Y 50 chỉ vàng 18K.

[6.3.] Do anh L1 và chị Y không có trực tiếp quản lý, sử dụng đất cầm cố, nên không buộc anh L1 và chị Y có trách nhiệm giao trả lại đất.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 100.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận, nên anh V, H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định. Ngân hàng đã tạm nộp và chi xong, anh V và H có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 100.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[8.1] Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với anh V, H được chấp nhận toàn bộ, nên anh V, H phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền có trách nhiệm thanh toán $124.207.385 \text{ đồng} \times 5\% = 6.210.369 \text{ đồng}$ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8.2] Do yêu cầu khởi kiện của anh Tô Chí L1, chị Nguyễn Thị Hồng Y được chấp nhận toàn bộ, nên anh V, H phải chịu án phí không có giá ngạch 300.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 4 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8.3] Ngân hàng không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, đã dự nộp tạm ứng án phí 2.900.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005307 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8.4] Anh Tô Chí L1, chị Nguyễn Thị Hồng Y không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005471 ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Như đã phân tích, có căn cứ chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3, khoản 5 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 1 Điều 73, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 1, điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 297, khoản 1 Điều 299, Điều 308, khoản 4 Điều 315, Điều 317, khoản 5, khoản 6 Điều 320, khoản 5, khoản 7 Điều 323, Điều 463, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a, b khoản 1 Điều 24, khoản 1, khoản 2 Điều 26, khoản 4 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP BDLV đối với anh Lê Hoàng V, chị Võ Thị H về yêu cầu thanh toán tiền vay còn nợ 124.207.385 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu hai trăm lẻ bảy ngàn ba trăm tám mươi lăm đồng), trong đó tiền vay gốc là 105.173.212 đồng (Một trăm lẻ năm triệu một trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm mười hai đồng), tiền lãi trong hạn là 9.911.234 đồng (Chín triệu chín trăm mười một ngàn hai trăm ba mươi bốn đồng), tiền lãi quá hạn là 9.122.939 đồng (Chín triệu một trăm hai mươi hai ngàn chín trăm ba mươi chín đồng).

Buộc anh Lê Hoàng V, chị Võ Thị H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP BDLV số tiền vay còn nợ 124.207.385 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu hai trăm lẻ bảy ngàn ba trăm tám mươi lăm đồng), trong đó tiền vay gốc là 105.173.212 đồng (Một trăm lẻ năm triệu một trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm mười hai đồng), tiền lãi trong hạn là 9.911.234 đồng (Chín triệu chín trăm mười một ngàn hai trăm ba mươi bốn đồng), tiền lãi quá hạn là 9.122.939 đồng (Chín triệu một trăm hai mươi hai ngàn chín trăm ba mươi chín đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/9/2020) anh Lê Hoàng V, chị Võ Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần BDLV tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh Lê Hoàng V, chị Võ Thị H phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

3. Trường hợp anh Lê Hoàng V, chị Võ Thị H không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần BDLV thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần BDLV có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL bán đấu giá tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 064/2017/HĐTC/CNBacLieu ngày 15 tháng 02 năm 2017 là quyền sử dụng đất số CD961327 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 11/01/2017 cho anh Lê Hoàng V, thửa 1266, tờ bản đồ số 8, diện tích 1560m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Mỹ Phú Đông, xã Vĩnh Hưng A, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

4. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Tô Chí L1, chị Nguyễn Thị Hồng Y đối với anh Lê Hoàng V, chị Võ Thị H về việc yêu cầu chấm dứt hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất.

Tuyên bố chấm dứt cầm cố tài sản là quyền sử dụng đất số CD961327 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 11/01/2017 cho anh Lê Hoàng V, thửa 1266, tờ bản đồ số 8, diện tích 1560m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Mỹ Phú Đông, xã Vĩnh Hưng A, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu được anh Lê Hoàng V ký ngày 16/5/2019 (âm lịch).

Diện tích đất có vị trí, tứ cạnh như sau:

+ Hướng Đông giáp với phần đất bà Nguyễn Thị B đang sử dụng.

+ Hướng Tây giáp với phần đất ông Trần Thanh D đang sử dụng.

+ Hướng Nam giáp với lộ ấp Vĩnh Phú Đông, xã Vĩnh Hưng A, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

+ Hướng Bắc giáp với phần đất ông Trần Thanh D đang sử dụng.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/7/2018).

5. Buộc anh Lê Hoàng V, chị Võ Thị H có trách nhiệm hoàn trả cho anh Tô Chí L1, chị Nguyễn Thị Hồng Y 50 (Năm mươi) chỉ vàng 18K.

6. Về chi phí tố tụng: Anh Lê Hoàng V, chị Võ Thị H có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP BDLV 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng).

7. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

8.1. Anh Lê Hoàng V, chị Võ Thị H phải chịu số tiền 6.210.369 đồng (Sáu triệu hai trăm mười ngàn ba trăm sáu mươi chín đồng) án phí có giá ngạch và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí không có giá ngạch; nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

8.2. Ngân hàng TMCP BDLV được hoàn lại 2.900.000 đồng (Hai triệu chín trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005307 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

8.3. Anh Tô Chí L1, chị Nguyễn Thị Hồng Y được hoàn lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005471 ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

9. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện VL, tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện VL, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Lê Phan Công Trí